

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 55



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 38GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất là 38/GPĐC4/KDBH ngày 7 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Một số thông tin quan trọng của Công ty bao gồm:

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
Mạng lưới hoạt động:	10 công ty thành viên trên cả nước
Nhân viên:	633 nhân viên tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (624 nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017)
Vốn điều lệ:	380.000.000.000 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Đinh Việt Đông	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Bà Hoàng Thị Tính	Phó chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Đặng Văn Liễu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Dương Văn Thành	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Trương Đình Cảnh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Hoàng Thị Tính	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015
Ông Quách Tá Khang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2016
Ông Mai Sinh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2017
Ông Nguyễn Tiến Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là bà Hoàng Thị Tính – Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Hoàng Thị Tính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 60804559/20278473

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saparn Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.741.371.806.026	1.629.245.044.479
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	302.620.400.740	139.834.923.154
111	1. Tiền		70.620.400.740	41.334.923.154
112	2. Các khoản tương đương tiền		232.000.000.000	98.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.150.617.291.700	1.212.845.291.700
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.150.617.291.700	1.212.845.291.700
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	89.610.799.627	87.701.238.181
131	1. Phải thu của khách hàng		30.412.627.968	49.203.453.270
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		30.412.627.968	49.203.453.270
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.340.625.196	2.631.306.646
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		62.372.648.998	42.095.864.176
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.515.102.535)	(6.229.385.911)
140	IV. Hàng tồn kho		2.886.258.065	3.287.901.939
141	1. Hàng tồn kho		2.886.258.065	3.287.901.939
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		139.211.965.131	128.141.413.843
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		139.211.965.131	128.141.413.843
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	7	138.785.044.224	128.141.413.843
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		426.920.907	-
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	17.2	56.425.090.763	57.434.275.662
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		32.455.845.501	30.018.677.975
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		23.969.245.262	27.415.597.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		209.223.963.922	162.470.739.520
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.929.963.630	6.497.282.630
216	1. Phải thu dài hạn khác		6.929.963.630	6.497.282.630
216.1	1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	8	6.000.000.000	6.000.000.000
216.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		929.963.630	497.282.630
220	II. Tài sản cố định		124.940.042.283	127.624.300.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	64.115.502.794	66.384.848.791
222	Nguyên giá		110.623.368.582	110.033.348.582
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.507.865.788)	(43.648.499.791)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	60.824.539.489	61.239.451.462
228	Nguyên giá		65.448.744.887	65.448.744.887
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.624.205.398)	(4.209.293.425)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.130.000.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.130.000.000	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		69.000.058.302	22.500.058.302
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	69.000.058.302	22.500.058.302
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.223.899.707	5.849.098.335
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.223.899.707	5.849.098.335
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.950.595.769.948	1.791.715.783.999

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.277.581.826.253	1.133.944.033.796
310	I. Nợ ngắn hạn		1.277.581.826.253	1.133.944.033.796
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	78.173.781.115	62.362.561.711
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		76.572.814.607	60.964.781.934
311.2	1.2. Phải trả khác cho người bán		1.600.966.508	1.397.779.777
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	16.379.184.158	566.681.415
314	3. Phải trả người lao động		81.206.748.832	57.954.675.346
318.1	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.529.760.200	6.906.634.314
318.2	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	8.956.395.131	8.271.523.130
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	8.821.451.042	13.725.283.585
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		60.495.976.472	38.114.646.711
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	17.1	1.019.018.529.303	946.042.027.584
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	17.2.1	804.941.529.936	741.856.809.804
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	17.2.2	132.438.075.999	129.147.233.274
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	17.3	81.638.923.368	75.037.984.506
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		673.013.943.695	657.771.750.203
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	673.013.943.695	657.771.750.203
411	1. Vốn cổ phần		380.000.000.000	380.000.000.000
411a	1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		380.000.000.000	380.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		12.000.000.000	12.000.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		124.633.188.964	86.133.188.964
419	5. Quỹ dự trữ bắt buộc		33.448.652.880	33.448.652.880
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		136.830.501.851	160.088.308.359
421a	6.1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		40.697.938.964	31.730.130.233
421b	6.2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		96.132.562.887	128.358.178.126
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.950.595.769.948	1.791.715.783.999



Ông Đào Duy Trung
Phó Phòng Kế toán Tài chính



Ông Phạm Minh Trí
Trưởng Phòng Kế toán Tài chính



Bà Hoàng Thị Tinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	606.691.199.563	552.977.682.254
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	44.927.475.582	37.908.709.604
13	3. Thu nhập khác	247.159.475	85.827.082
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(326.489.790.742)	(277.649.867.357)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(24.238.521)	(24.846.529)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(205.157.079.163)	(197.424.527.311)
24	7. Chi phí khác	(5.218.272)	(39.995.303)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.189.507.922	115.832.982.440
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(24.056.945.035)	(23.184.596.488)
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96.132.562.887	92.648.385.952
70	12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.609	2.515

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3)	19	628.384.507.265	570.731.452.443
	Trong đó:			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc	19.1	691.785.422.503	614.706.594.817
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	19.2	(316.195.106)	2.778.104.125
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(63.084.720.132)	(46.753.246.499)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2)	20	(28.938.173.758)	(23.840.531.295)
	Trong đó:			
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(31.375.341.284)	(26.320.444.323)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		2.437.167.526	2.479.913.028
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 + 02)		599.446.333.507	546.890.921.148
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)		7.244.866.056	6.086.761.106
	Trong đó:			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	21	7.201.168.833	6.019.489.278
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		43.697.223	67.271.828
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)		606.691.199.563	552.977.682.254
11	6. Chi bồi thường (11 = 11.1 + 11.2)		(166.536.510.634)	(146.726.927.572)
	Trong đó:			
11.1	- Tổng chi bồi thường	22	(166.624.319.334)	(147.206.011.514)
11.2	- Các khoản giảm trừ		87.808.700	479.083.942
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		3.546.900.500	14.365.608.005
13	8. (Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(3.290.842.725)	20.375.440.174
14	9. Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		(3.446.352.425)	(27.337.643.501)
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)		(169.726.805.284)	(139.323.522.894)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn	17.2	(6.600.938.862)	(5.911.642.547)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	23	(150.162.046.596)	(132.414.701.916)
	Trong đó:			
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(99.991.444.421)	(90.847.084.581)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(50.170.602.175)	(41.567.617.335)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(326.489.790.742)	(277.649.867.357)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)		280.201.408.821	275.327.814.897
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	24	44.927.475.582	37.908.709.604
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	25	(24.238.521)	(24.846.529)
25	17. Lợi nhuận hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		44.903.237.061	37.883.863.075
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(205.157.079.163)	(197.424.527.311)
30	19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 + 26)		119.947.566.719	115.787.150.661
31	20. Thu nhập khác	27	247.159.475	85.827.082
32	21. Chi phí khác	27	(5.218.272)	(39.995.303)
40	22. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		241.941.203	45.831.779
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		120.189.507.922	115.832.982.440
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(24.056.945.035)	(23.184.596.488)
60	25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51)		96.132.562.887	92.648.385.952
70	26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.609	2.515

Ông Đào Duy Trung
Phó Phòng Kế toán Tài chính

Ông Phạm Minh Trí
Trưởng Phòng Kế toán Tài chính



Bà Hoàng Thị Tinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		711.318.945.138	628.399.482.006
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(369.199.736.726)	(319.130.767.275)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(98.727.043.894)	(96.173.110.654)
04	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.952.884.304)	(39.772.278.269)
05	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		242.018.501.236	255.112.993.406
06	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(161.693.657.872)	(206.761.472.352)
20	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		294.764.123.578	221.674.846.862
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(5.249.387.273)	(979.390.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		241.500.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(240.772.000.000)	(245.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		123.000.000.000	165.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.560.081.281	31.317.222.383
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(88.219.805.992)	(49.662.168.526)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(43.758.840.000)	(43.985.040.000)
40	Tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(43.758.840.000)	(43.985.040.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		162.785.477.586	128.027.638.336
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		139.834.923.154	114.314.382.947
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	4	302.620.400.740	242.342.021.283



Ông Đào Duy Trung
Phó Phòng Kế toán Tài chính



Ông Phạm Minh Trí
Trưởng Phòng Kế toán Tài chính



Bà Hoàng Thị Tính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018